TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 77/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1369/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc V, sinh năm 1992

Địa chỉ: số B V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Trần Thị Thu T, sinh năm 1992

Địa chỉ: số B V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Quốc V, sinh năm 1992 và Trần Thị Thu T, sinh năm 1992.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2018 do Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/10/2018).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Nhân Diễm M, sinh ngày 03/10/2024 cho ông Trần Quốc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Giao con chung tên Trần Nhân Mẫn N, sinh ngày 10/7/2020 cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng: Ông Trần Quốc V cấp dưỡng nuôi con Trần Nhân Mẫn N mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng, thực hiện từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bà Trần Thị Thu T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Nhân Diễm M.

Kể từ khi T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông V không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Án phí ly hôn 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng ông Trần Quốc V tự nguyện nộp; án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, ông V phải nộp; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0046062 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND KV2-TP . HCM;
- THADS TP . HCM;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Trần Quốc Lưu